

Số: 08/2024/QĐST-D, ngày 13 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 166 - Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12; điểm a khoản 1 khoản 2 điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 2 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 39/2023/TLST - DS ngày 14 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Minh N, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà F, đường D, phố E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Hoàng Thị O, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà F, đường D, phố E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (Giấy ủy quyền ngày 18/10/2023);

- Bị đơn: Ông Phạm Văn X, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1970; cùng cư trú: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Thị O, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà F, đường D, phố E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị **Hoàng Thị O** và ông **Phạm Văn X**; bà **Phạm Thị H** thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông **Phạm Văn X** và bà **Phạm Thị H** thống nhất bàn giao toàn bộ tài sản gồm nhà và đất cho ông **Hoàng Minh N** và bà **Nguyễn Thị L** đối với diện tích đất là 572m² (trong đó: đất ở nông thôn 200m², đất trồng cây lâu năm 302m²), thuộc thửa đất số 1064, tờ bản đồ số 36, đo vẽ năm 2008. Nhà ở nằm trên đất: diện tích xây dựng 88m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất số CN 02864 do Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện C** cấp ngày 14/12/2023 cho ông ông **Hoàng Minh N**; bà **Nguyễn Thị L**; địa chỉ thửa đất tại : **Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa** và các tài sản khác không được thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gồm: Nhà bếp 20m²; 01 bán bình có diện tích 74,8m²; tường rào cổng 15,6m²; tường rào giáp nhà ở 32,85m².

Ông **X**, bà **H** được tháo dỡ 01 mái tole chống nóng 72,6m² và một mái tole thường giáp nhà ở 21,2m² và 02 cánh cửa cổng.

Thời gian bàn giao đất và tài sản gắn liền với đất: Vào ngày 05/6/2024.

Về án phí: Ông **Phạm Văn X**, bà **Phạm Thị H** tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Hoàng Minh N** và bà **Nguyễn Thị L**. Như vậy, ông **Phạm Văn X**, bà **Phạm Thị H** phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự ;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Cẩm thủy;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh

